



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VPS

Trụ sở chính: Khu Văn phòng số 65 phố Cảm
Hội, phường Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

GPTL&HĐ số: 120/GP-UBCK do UBCKNN
cấp ngày 08/12/2015

Số: 1911.4/2025/NQ-HĐQT

Hà Nội, ngày 19 tháng 11 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

V/v: Thông qua và ban hành Quy chế Công bố thông tin

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VPS

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm) và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm) và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành, sửa đổi, bổ sung; Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 09 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán;
- Căn cứ Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định về hoạt động của công ty chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành, sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán;
- Căn cứ Điều lệ hiện hành của Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS (“Công Ty” hoặc “VPS”);
- Căn cứ Biên bản cuộc họp số 1911/2025/BB-HĐQT ngày 19 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng quản trị Công Ty.

QUYẾT NGHỊ:

- Điều 1.** Thông qua và ban hành Quy chế Công bố thông tin của Công Ty đính kèm Nghị quyết này.
- Điều 2.** Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày ký và Quy chế Công bố thông tin đính kèm Nghị quyết này thay thế cho Quy chế/Quy định Công bố thông tin của Công ty đã ban hành trước đó.

Điều 3. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các phòng, ban, bộ phận, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để thực hiện);
- BKS (để báo cáo); và
- Lưu Ban Tr� lý.

**CÔNG TY
CỔ PHẦN
CHỨNG
KHOẢN
VPS**
Digitally
signed by
CÔNG TY CỔ
PHẦN CHỨNG
KHOẢN VPS
Date:
2025.11.19
13:31:35
+07'00'

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



Nguyễn Lâm Dũng

**QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VPS**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 1911.4/2025/NQ-HĐQT ngày 19/11/2025
của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS)

Tháng 11 năm 2025



MỤC LỤC

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG	1
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh.....	1
Điều 2. Đối tượng áp dụng	1
Điều 3. Giải thích từ ngữ	1
Điều 4. Nguyên tắc CBTT	2
CHƯƠNG II. QUY ĐỊNH CỤ THỂ	3
Mục 1. THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	3
Điều 5. Người Thực Hiện CBTT	3
Điều 6. Phương tiện CBTT	3
Điều 7. Thay đổi và tạm hoãn CBTT	4
Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của các đối tượng có liên quan đến việc CBTT.....	5
Điều 9. Xử lý vi phạm về CBTT	6
Mục 2. CÁC TRƯỜNG HỢP CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	6
Điều 10. CBTT định kỳ	6
Điều 11. CBTT bất thường	6
Điều 12. CBTT theo yêu cầu	7
Điều 13. CBTT khác.....	7
CHƯƠNG IV. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	7
Điều 14. Hiệu lực thi hành.....	7
PHỤ LỤC 01. QUY TRÌNH CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	8

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

- 1.1. Quy chế công bố thông tin của Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS này quy định về việc công bố thông tin của Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS nhằm đảm bảo tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định có liên quan của pháp luật và tôn trọng quyền, lợi ích hợp pháp của các cổ đông.
- 1.2. Quy chế công bố thông tin của Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS này xây dựng và ban hành quy trình công bố thông tin; đồng thời, xác định, phân định quyền và nghĩa vụ của các đối tượng có liên quan đến việc công bố thông tin của Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế công bố thông tin của Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS này áp dụng cho hội sở, chi nhánh, phòng giao dịch, khối, phòng, ban, bộ phận, đơn vị của Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS và tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế công bố thông tin của Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS này, các từ ngữ dưới đây, nếu không được quy định hoặc giải thích khác đi, sẽ được hiểu như sau:

- 3.1. “VPS” hoặc “Công Ty”: là Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS.
- 3.2. “Đơn Vị”: là hội sở, chi nhánh, phòng giao dịch, khối, phòng, ban, bộ phận, đơn vị của Công Ty.
- 3.3. “UBCKNN”: là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- 3.4. “SGDCK”: là Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và các công ty con.
- 3.5. “Luật Chứng Khoán”: là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội (được sửa đổi, bổ sung trong từng thời kỳ).
- 3.6. “Thông Tư 96”: là Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính (được sửa đổi, bổ sung trong từng thời kỳ).
- 3.7. “Điều Lệ”: là Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS có hiệu lực kể từ ngày 19 tháng 11 năm 2025 (được sửa đổi, bổ sung trong từng thời kỳ).
- 3.8. “Quy Chế”: là Quy chế công bố thông tin của Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS này (được sửa đổi, bổ sung trong từng thời kỳ).
- 3.9. “CBTT”: là công bố thông tin.
- 3.10. “Người Thực Hiện CBTT”: là người đại diện theo pháp luật của Công Ty và/hoặc người được ủy quyền CBTT của Công Ty và/hoặc cá nhân khác theo các quy định có liên quan của pháp luật.

- 3.11. **“Đơn Vị Cung Cấp Thông Tin/Yêu Cầu CBTT”**: là Đơn Vị thực hiện cung cấp thông tin và/hoặc gửi yêu cầu CBTT đến Người Thực Hiện CBTT.
- 3.12. **“Đơn Vị Hỗ Trợ CBTT”**: là Đơn Vị tham gia và hỗ trợ Người Thực Hiện CBTT trong việc CBTT, bao gồm: Trung tâm Công nghệ thông tin, Phòng Kiểm soát nội bộ và các Đơn Vị khác theo quy định tại các quy chế, quy định, quy trình nội bộ của Công Ty và/hoặc theo phân công, chỉ định của cấp có thẩm quyền của Công Ty trong từng thời kỳ.
- 3.13. **“Người Nội Bộ”**: là các cá nhân theo quy định tại khoản 45 Điều 4 Luật Chứng Khoán.
- 3.14. **“Người Có Liên Quan”**: là các tổ chức, cá nhân theo quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng Khoán.

Điều 4. Nguyên tắc CBTT

- 4.1. Người Thực Hiện CBTT khi thực hiện CBTT phải đảm bảo tính đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định pháp luật hiện hành về chứng khoán, thị trường chứng khoán và các quy định có liên quan của pháp luật:
- a) Người Thực Hiện CBTT phải chịu trách nhiệm về nội dung thông tin công bố. Đơn Vị Hỗ Trợ CBTT phải chịu trách nhiệm trước Người Thực Hiện CBTT về các công việc trong phạm vi nghĩa vụ của mình. Đơn Vị Cung Cấp Thông Tin/Yêu Cầu CBTT phải chịu trách nhiệm trước Người Thực Hiện CBTT về tính chính xác, đầy đủ và kịp thời của thông tin, tài liệu cung cấp;
 - b) Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm: Căn cước, Căn cước công dân, Chứng minh quân nhân, Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, thư điện tử, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng, mã số giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ chỉ được thực hiện nếu cá nhân đó đồng ý. Trường hợp cá nhân đó không đồng ý công khai các thông tin cá nhân nêu trên thì phải gửi UBCKNN và SGDCK 02 (hai) bản tài liệu, trong đó: 01 (một) bản bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 (một) bản không bao gồm thông tin cá nhân để UBCKNN và SGDCK thực hiện công khai thông tin.
- 4.2. Người được ủy quyền CBTT của Công Ty phải trình người đại diện theo pháp luật của Công Ty phê duyệt các nội dung CBTT trước khi thực hiện CBTT, trừ trường hợp người đại diện theo pháp luật của Công Ty có quyết định khác.
- 4.3. Việc CBTT phải được thực hiện trên các phương tiện CBTT đúng theo các quy định có liên quan của pháp luật.
- 4.4. Công Ty có trách nhiệm bảo quản, lưu giữ thông tin đã báo cáo, công bố theo quy định sau:
- a) Các thông tin công bố định kỳ, thông tin về việc đăng ký công ty đại chúng phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 (mười)

năm. Các thông tin này phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của Công Ty tối thiểu là 05 (năm) năm;

- b) Các thông tin công bố bất thường, theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của Công Ty trong tối thiểu 05 (năm) năm.
- 4.5. Ngôn ngữ CBTT trên thị trường chứng khoán là tiếng Việt và/hoặc tiếng Anh (tùy từng trường hợp) và được thực hiện theo các quy định có liên quan của pháp luật trong từng thời kỳ. Thông tin công bố bằng tiếng Anh phải bảo đảm thống nhất với nội dung thông tin công bố bằng tiếng Việt. Trường hợp có sự khác biệt hoặc có cách hiểu khác giữa thông tin bằng tiếng Việt và tiếng Anh thì thông tin bằng tiếng Việt được áp dụng.

CHƯƠNG II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1

THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 5. Người Thực Hiện CBTT

- 5.1. Việc CBTT của Công Ty được thực hiện thông qua 01 (một) người đại diện theo pháp luật của Công Ty hoặc 01 (một) người được ủy quyền CBTT của Công Ty. Trường hợp phát sinh sự kiện CBTT mà tất cả người đại diện theo pháp luật của Công Ty và người được ủy quyền CBTT của Công Ty đều vắng mặt thì việc CBTT của Công Ty được thực hiện theo các quy định có liên quan của pháp luật.
- 5.2. Việc ủy quyền CBTT phải được thực hiện bằng văn bản theo các quy định có liên quan của pháp luật.
- 5.3. Công Ty phải báo cáo, báo cáo lại thông tin về Người Thực Hiện CBTT cho UBCKNN và SGDCK trong thời hạn 24 (hai mươi tư) giờ kể từ khi việc chỉ định, ủy quyền hoặc thay đổi Người Thực Hiện CBTT có hiệu lực.

Điều 6. Phương tiện CBTT

- 6.1. Các phương tiện CBTT bao gồm:
 - a) Trang thông tin điện tử (website) của Công Ty;
 - b) Hệ thống CBTT của UBCKNN;
 - c) Trang thông tin điện tử của SGDCK, phương tiện CBTT khác theo Quy chế của SGDCK;
 - d) Trang thông tin điện tử của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam;
 - e) Các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định của pháp luật (báo in, báo điện tử,...).

Tùy từng trường hợp, Công Ty sẽ thực hiện CBTT trên một, một số hoặc toàn bộ các phương tiện CBTT nêu trên trên cơ sở phù hợp với các quy định có liên quan của pháp luật.

6.2. Quy định về trang thông tin điện tử (website) của Công Ty:

- a) Công Ty phải lập trang thông tin điện tử (website) khi chính thức hoạt động;
- b) Công Ty phải báo cáo với UBCKNN, SGDCK và công khai địa chỉ trang thông tin điện tử (website) và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc lập trang thông tin điện tử (website) hoặc khi thay đổi địa chỉ trang thông tin điện tử (website) này;
- c) Trang thông tin điện tử (website) phải có các nội dung về ngành, nghề kinh doanh và các nội dung phải thông báo công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và mọi thay đổi liên quan tới các nội dung này; chuyên mục riêng về quan hệ cổ đông (nhà đầu tư), trong đó phải công bố Điều lệ Công Ty, Quy chế công bố thông tin, Quy chế nội bộ về quản trị công ty (nếu có), Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (nếu có), Bản cáo bạch (nếu có), các thông tin công bố định kỳ, bất thường, theo yêu cầu và các hoạt động khác theo các quy định có liên quan của pháp luật;
- d) Trang thông tin điện tử (website) phải hiển thị thời gian đăng tải thông tin; đồng thời, phải đảm bảo nhà đầu tư có thể dễ dàng tìm kiếm và tiếp cận được các dữ liệu trên trang thông tin điện tử (website) đó.

6.3. Trường hợp nghĩa vụ CBTT phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật, Công Ty thực hiện CBTT trên phương tiện CBTT được quy định tại điểm a khoản 6.1 Điều 6 Quy Chế này và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ CBTT theo quy định pháp luật vào ngày làm việc liền sau ngày nghỉ, ngày lễ.

6.4. Cách thức báo cáo, CBTT trên hệ thống CBTT của UBCKNN, phương tiện CBTT của SGDCK thực hiện theo hướng dẫn của UBCKNN, SGDCK.

Điều 7. Thay đổi và tạm hoãn CBTT

7.1. Thay đổi nội dung thông tin đã công bố:

- a) Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, Đơn Vị Cung Cấp Thông Tin/Yêu Cầu CBTT phải: (i) Thông báo kịp thời cho Người Thực Hiện CBTT; (ii) Có văn bản giải trình về sự thay đổi; và (iii) Chuyển cho Người Thực Hiện CBTT theo quy định;
- b) Người Thực Hiện CBTT phải công bố kịp thời, đầy đủ nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó.

7.2. Tạm hoãn CBTT:

- a) Công Ty được tạm hoãn CBTT trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng như: thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh,... Công Ty phải báo cáo UBCKNN, SGDCK về việc tạm hoãn CBTT ngay khi xảy ra sự kiện (trong đó

nêu rõ lý do của việc tạm hoãn CBTT); đồng thời, công bố về việc tạm hoãn CBTT;

- b) Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, Công Ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật.

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của các đối tượng có liên quan đến việc CBTT

8.1 Quyền và nghĩa vụ của Người Thực Hiện CBTT:

- a) CBTT theo quy định của pháp luật hiện hành và quy định của Công Ty sau khi nhận được yêu cầu của Đơn Vị Cung Cấp Thông Tin/Yêu Cầu CBTT;
- b) Soạn thảo và ký các văn bản, tài liệu cần thiết để thực hiện việc CBTT;
- c) Phối hợp với Đơn Vị Hỗ Trợ CBTT thực hiện việc CBTT;
- d) Lưu trữ thông tin công bố dưới dạng văn bản theo quy định tại khoản 4.4 Điều 4 Quy Chế này. Trong trường hợp Công Ty thay đổi Người Thực Hiện CBTT, Người Thực Hiện CBTT đương nhiệm có trách nhiệm bàn giao toàn bộ thông tin công bố được lưu trữ dưới dạng văn bản cho Người Thực Hiện CBTT mới.

8.2. Quyền và nghĩa vụ của Đơn Vị Hỗ Trợ CBTT:

Khi nhận được yêu cầu của Người Thực Hiện CBTT, Đơn Vị Hỗ Trợ CBTT sẽ thực hiện ngay theo yêu cầu đó, cụ thể các công việc như sau:

- a) Trung tâm Công nghệ thông tin có trách nhiệm đảm bảo đường truyền và hạ tầng công nghệ phục vụ cho việc CBTT;
- b) Trung tâm công nghệ thông tin thực hiện đăng tải thông tin cần công bố lên trang thông tin điện tử (website) của Công Ty và lưu trữ thông tin công bố dưới dạng dữ liệu điện tử, đảm bảo khả năng truy cập thông tin công bố trên trang thông tin điện tử (website) của VPS theo quy định tại khoản 4.4 Điều 4 Quy Chế này;
- c) Phòng Kiểm soát nội bộ, Phòng Pháp chế thực hiện việc CBTT trên các phương tiện CBTT được quy định tại điểm b và điểm c khoản 6.1 Điều 6 Quy Chế này;
- d) Phòng Kiểm soát nội bộ có trách nhiệm kiểm soát nội dung CBTT được đăng tải trên trang thông tin điện tử (website) của Công Ty.

8.3. Quyền và nghĩa vụ của Đơn Vị Cung Cấp Thông Tin/Yêu Cầu CBTT:

- a) Trong phạm vi trách nhiệm của mình, Đơn Vị Cung Cấp Thông Tin/Yêu Cầu CBTT có nghĩa vụ chủ động nắm bắt và cung cấp cho Người Thực Hiện CBTT thông tin về các trường hợp CBTT theo quy định pháp luật ngay khi nhận được thông tin để đảm bảo việc CBTT được thực hiện đúng thời hạn theo quy định pháp luật. Đối với các trường hợp CBTT định kỳ, Đơn Vị Cung Cấp Thông Tin/Yêu Cầu CBTT có trách nhiệm cung cấp tài liệu CBTT tối thiểu 01 (một) ngày làm việc trước thời hạn thực hiện CBTT theo quy định;
- b) Cung cấp các tài liệu cần thiết cho việc CBTT theo yêu cầu của Người Thực Hiện CBTT;

- c) Đảm bảo tính chính xác, đầy đủ, kịp thời của từng tài liệu được cung cấp và tiến độ cung cấp theo yêu cầu;
 - d) Trong trường hợp Đơn Vị Cung Cấp Thông Tin/Yêu Cầu CBTT cố ý không cung cấp và/hoặc cung cấp thông tin không đúng thời hạn và/hoặc cung cấp thông tin không chính xác/sai sự thật, tùy theo tính chất, mức độ của hành vi vi phạm, Đơn Vị Cung Cấp Thông Tin/Yêu Cầu CBTT sẽ bị xử lý theo quy định tại Điều 9 Quy Chế.
- 8.4. Trưởng Đơn Vị Hỗ Trợ CBTT và Trưởng Đơn Vị Cung Cấp Thông Tin/Yêu Cầu CBTT có nghĩa vụ phân công cán bộ phụ trách để thực hiện các nghĩa vụ được quy định tại khoản 8.2 và khoản 8.3 Điều 8 Quy Chế này.

Điều 9. Xử lý vi phạm về CBTT

- 9.1. Trong trường hợp các đối tượng có liên quan đến việc CBTT có hành vi vi phạm quy định pháp luật về CBTT và/hoặc quy định của Quy Chế này, tùy theo tính chất, mức độ của hành vi vi phạm, các đối tượng đó sẽ bị xử lý kỷ luật và/hoặc xử phạt vi phạm hành chính và/hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự và/hoặc phải chịu các trách nhiệm khác theo quy định.
- 9.2. Nếu hành vi vi phạm của các đối tượng có liên quan đến việc CBTT gây ra thiệt hại thì các đối tượng đó phải bồi thường thiệt hại theo các quy định có liên quan của pháp luật.

Mục 2

CÁC TRƯỜNG HỢP CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 10. CBTT định kỳ

- 10.1. Công Ty phải CBTT định kỳ theo các quy định có liên quan của pháp luật, bao gồm:
- a) CBTT Báo cáo tài chính;
 - b) CBTT Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính;
 - c) CBTT Báo cáo thường niên;
 - d) CBTT Báo cáo tình hình quản trị công ty;
 - e) CBTT về họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công Ty;
 - f) Các trường hợp CBTT định kỳ khác theo các quy định có liên quan của pháp luật.
- 10.2. Việc CBTT và các biểu mẫu CBTT được thực hiện theo các quy định có liên quan của pháp luật.

Điều 11. CBTT bất thường

- 11.1. Công Ty phải CBTT đầy đủ và đúng hạn khi xảy ra các trường hợp CBTT bất thường theo quy định tại Thông Tư 96 và các quy định có liên quan của pháp luật.
- 11.2. Khi CBTT theo quy định tại khoản 11.1 Điều này, Công Ty phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có).

- 11.3. Việc CBTT và các biểu mẫu CBTT được thực hiện theo các quy định có liên quan của pháp luật.

Điều 12. CBTT theo yêu cầu

Công Ty phải CBTT theo yêu cầu của UBCKNN, SGDCK khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

- 12.1. Sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;
- 12.2. Có thông tin liên quan đến Công Ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.
- 12.3. Các sự kiện khác theo các quy định có liên quan của pháp luật.

Điều 13. CBTT khác

Ngoài các nghĩa vụ CBTT định kỳ, CBTT bất thường và CBTT theo yêu cầu được quy định tại Điều 10, Điều 11 và Điều 12 Quy Chế này, Công Ty phải thực hiện các nghĩa vụ CBTT khác theo các quy định có liên quan của pháp luật.

CHƯƠNG IV

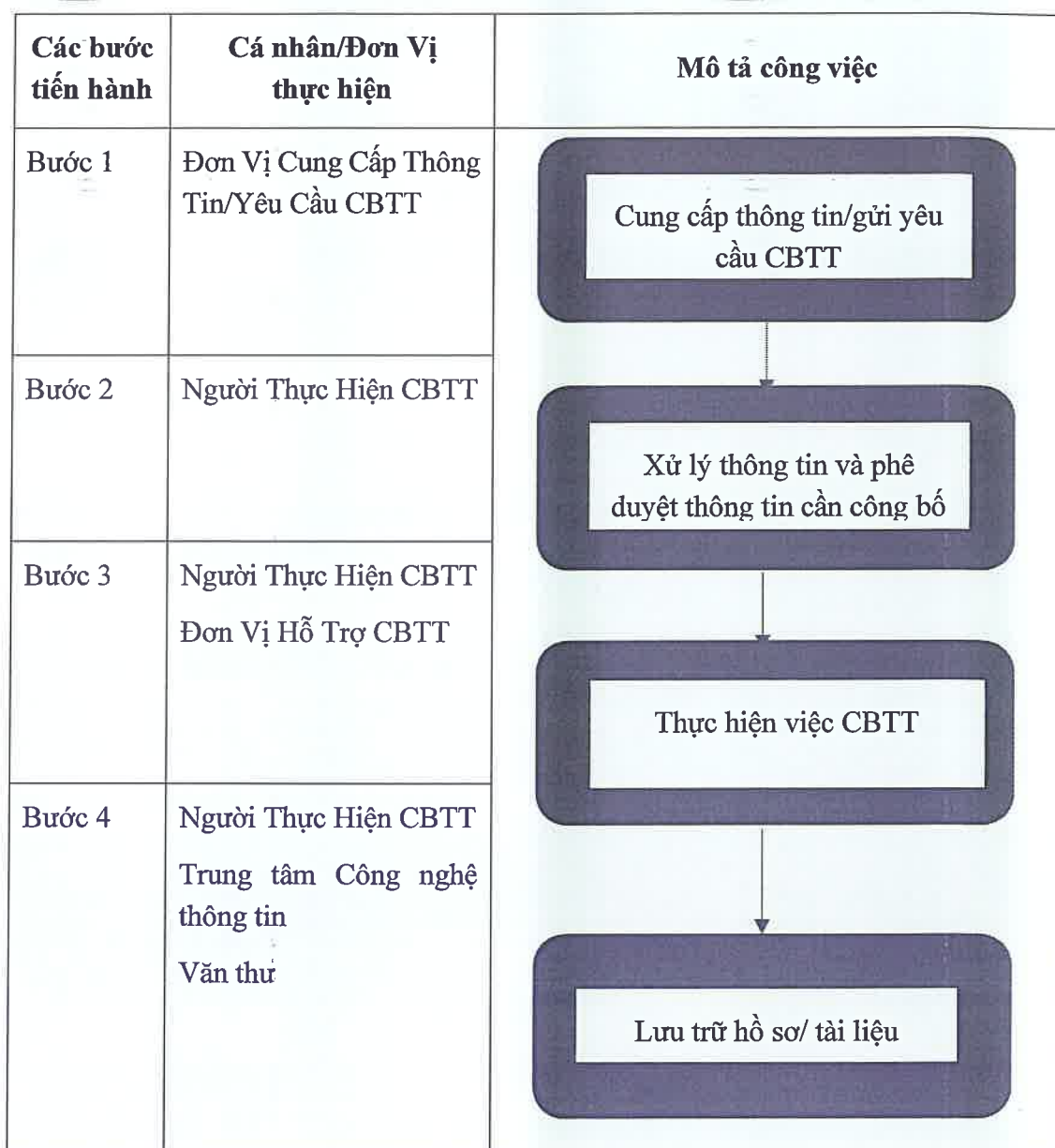
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14. Hiệu lực thi hành

- 14.1. Quy Chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19 tháng 11 năm 2025 .
- 14.2. Trường hợp Quy Chế này không có quy định hoặc có quy định khác so với quy định có liên quan của pháp luật và/hoặc quy định có liên quan của cơ quan có thẩm quyền và/hoặc quy định của Điều Lệ thì sẽ áp dụng quy định có liên quan của pháp luật và/hoặc quy định có liên quan của cơ quan có thẩm quyền và/hoặc quy định của Điều Lệ.
- 14.3. Trong Quy Chế này, các tham chiếu, dẫn chiếu đến bất kỳ quy định hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung, thay thế của quy định hoặc văn bản đó.
- 14.4. Việc sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Quy Chế này do Hội đồng quản trị Công Ty xem xét, quyết định.

PHỤ LỤC 01
QUY TRÌNH CÔNG BỐ THÔNG TIN

1. Sơ đồ:



2. Diễn giải sơ đồ:

2.1. Bước 1: Cung cấp thông tin/gửi yêu cầu CBTT

- a) Cá nhân, Đơn Vị thực hiện: Đơn Vị Cung Cấp Thông Tin/Yêu Cầu CBTT; Người Thực Hiện CBTT.
- b) Khi phát sinh các thông tin phải được công bố theo quy định của pháp luật hiện hành, Đơn Vị Cung Cấp Thông Tin/Yêu Cầu CBTT gửi yêu cầu kèm theo toàn bộ các tài liệu có liên quan đến Người Thực Hiện CBTT chậm nhất ngay khi nhận được thông tin để đảm bảo việc CBTT được thực hiện đúng thời hạn theo quy định pháp luật.

2.2. **Bước 2: Xử lý thông tin và phê duyệt thông tin cần công bố**

- a) Cá nhân thực hiện: Người Thực Hiện CBTT.
- b) Sau khi nhận được yêu cầu và tài liệu từ Đơn Vị Cung Cấp Thông Tin/Yêu Cầu CBTT, Người Thực hiện CBTT sẽ tiến hành xem xét tài liệu, đánh giá và soạn thảo, ký các văn bản phục vụ cho việc CBTT.
- c) Trong trường hợp việc CBTT được thực hiện bởi người được ủy quyền CBTT của Công Ty, người được ủy quyền CBTT của Công Ty phải trình người đại diện theo pháp luật của Công Ty phê duyệt toàn bộ nội dung, tài liệu dự kiến CBTT trước khi thực hiện CBTT, trừ trường hợp người đại diện theo pháp luật của Công Ty có quyết định khác.

2.3. **Bước 3: Thực hiện việc CBTT**

Người Thực Hiện CBTT phối hợp với các Đơn Vị Hỗ Trợ CBTT để thực hiện việc CBTT như sau:

- a) Gửi cho Trung tâm Công nghệ thông tin bản scan các tài liệu có liên quan kèm email phê duyệt của người đại diện theo pháp luật (trừ trường hợp người đại diện theo pháp luật của Công Ty có quyết định khác) để đăng tải lên trang thông tin điện tử (website) của Công Ty và các phương tiện thông tin đại chúng, các ấn phẩm thông tin của Công Ty (nếu có).
- b) Thực hiện CBTT theo quy định tại khoản 8.2 Điều 8 Quy Chế.

2.4. **Bước 4: Lưu trữ hồ sơ, tài liệu**

- a) Người Thực Hiện CBTT thực hiện lưu trữ các thông tin công bố dưới dạng văn bản theo quy định tại khoản 4.4 Điều 4 Quy Chế. Trong trường hợp Công Ty thay đổi Người Thực Hiện CBTT, Người Thực Hiện CBTT đương nhiệm có trách nhiệm bàn giao toàn bộ thông tin công bố được lưu trữ dưới dạng văn bản cho Người Thực Hiện CBTT mới.
- b) Trung tâm Công nghệ thông tin thực hiện lưu trữ các thông tin công bố dưới dạng dữ liệu điện tử và đảm bảo khả năng truy cập thông tin công bố trên trang thông tin điện tử (website) của VPS theo quy định tại khoản 4.4 Điều 4 Quy Chế.

